

Số: 07 /2021/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động
giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng, nguyên tắc thu và chế độ miễn, giảm các khoản thu

a) Đối tượng áp dụng: Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, phụ huynh trẻ em và học sinh đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Nguyên tắc thu: Thu trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận dân chủ, công khai và được đa số phụ huynh trẻ em và học sinh tán thành; thu vừa đủ chi, không mang tính kinh doanh; không vượt mức trần (đối với dịch vụ có quy định mức trần) hoặc mức thu cụ thể gắn với nội dung, chất lượng dịch vụ (đối với dịch vụ không quy định mức trần).

Đối với trường tiểu học dạy 02 buổi/ngày, chỉ thu khi có tỷ lệ giáo viên/lớp nhỏ hơn 1,5.

c) Chế độ miễn, giảm các khoản thu: Có chế độ miễn, giảm các khoản thu cho trẻ em và học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, diện chính sách đối với từng nội dung thu cụ thể sau khi thỏa thuận với Ban đại diện cha mẹ học sinh và được đa số phụ huynh tán thành.

2. Các khoản thu và mức thu

a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường có quy định mức trần.

- Đối với giáo dục mầm non:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức trần
1	Bán trú cho trẻ (bao gồm tiền ăn, sinh hoạt bán trú, phục vụ bán trú)	đồng/trẻ/ngày	50.000
2	Giáo dục mầm non ngoài giờ		
2.1	Giữ, chăm sóc trẻ sau 17 giờ các ngày trong tuần	đồng/trẻ/giờ	10.000
2.2	Giữ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật (bao gồm bán trú cho trẻ)	đồng/trẻ/ngày	100.000
2.3	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ vào kỳ nghỉ hè (bao gồm bán trú cho trẻ)	đồng/trẻ/ngày	90.000
2.4	Cho trẻ làm quen với tiếng Anh (mỗi tháng 04 tuần, mỗi tuần 03 tiết)	đồng/trẻ/tháng	350.000
2.5	Dạy năng khiếu cho trẻ: aerobic, vẽ, múa... (mỗi tháng 04 tuần, mỗi tuần 02 - 03 tiết)	đồng/trẻ/tháng	100.000
3	Thuê xe ô tô đưa đón trẻ	đồng/trẻ/km	10.000

- Đối với giáo dục tiểu học:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức trần
1	Dạy 02 buổi/ngày	đồng/học sinh/tiết	5.000
2	Dạy Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2 do nhà trường tự chủ trong tổ chức thực hiện	đồng/học sinh/tiết	6.000
3	Dạy tiếng Anh cho học sinh lớp 1, lớp 2 do nhà trường tự chủ trong tổ chức thực hiện	đồng/học sinh/tiết	6.000
4	Bán trú cho học sinh (bao gồm tiền ăn, sinh hoạt bán trú, phục vụ bán trú)	đồng/học sinh/ngày	50.000
5	Nước uống cho học sinh	đồng/học sinh/tháng	10.000
6	Thuê lao công vệ sinh trường lớp, công trình vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	30.000

- Đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức trần	
			THCS	THPT
1	Dạy học 02 buổi/ngày	đồng/học sinh/tiết	6.000	7.000
2	Dạy thêm học thêm trong nhà trường (theo môn học)	đồng/học sinh/tiết	7.000	7.000
3	Bán trú cho học sinh (bao gồm tiền ăn, sinh hoạt bán trú, phục vụ bán trú)	đồng/học sinh/ngày	50.000	50.000
4	Nước uống cho học sinh	đồng/học sinh/tháng	20.000	20.000
5	Ký túc xá (đối với trường chuyên Nguyễn Bình Khiêm)	đồng/học sinh/tháng	Không	90.000

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường không quy định mức trần.

Các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập phối hợp với các cơ sở giáo dục ngoài công lập, các đơn vị có dịch vụ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của nhà trường để cung cấp các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại đơn vị, gồm: Tổ chức bán trú (bao gồm tiền ăn bán trú; bồi dưỡng người trực tiếp chăm

sóc, phục vụ công tác bán trú; mua sắm thiết bị, đồ dùng, dụng cụ phục vụ bán trú); thuê xe ô tô đưa đón học sinh hàng ngày; số liên lạc điện tử, học bạ điện tử; dạy học tin học, ngoại ngữ tăng cường; các dịch vụ giáo dục kỹ năng sống, mỹ thuật, âm nhạc, thể dục thể thao, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ngoài giờ học chính khóa,...

3. Chế độ thanh, quyết toán

Không đưa vào quyết toán ngân sách năm. Thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành, thuế, thống kê và công khai khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường theo đúng quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm